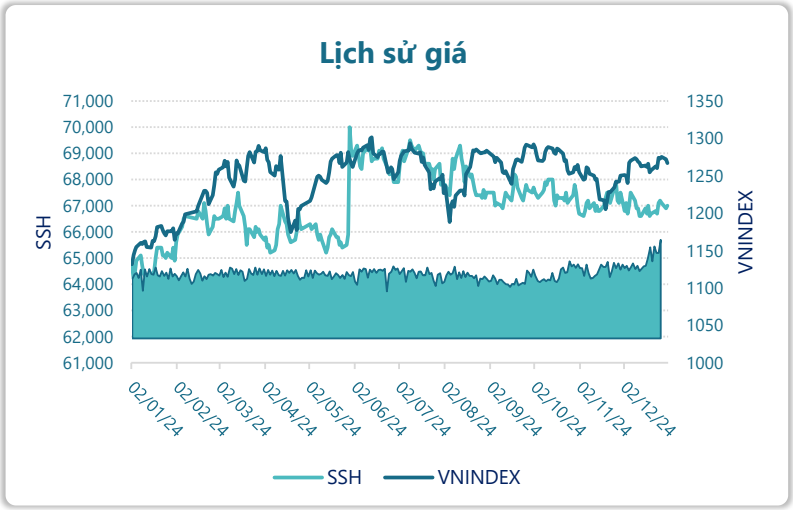
FireAnt

CTCP Phát triển Sunshine Homes (UPCOM: SSH)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**67,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	70,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	64,200
SL cổ phiếu LH	375,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	53,415
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	25,125
P/E	30.6
EPS	2,188

DT thuần

Q4/24

2,020

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,955| 3013%

YoY: ▲ 1,707| 546%

LN sau thuế

Q4/24

475

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 467| 5995%

YoY: ▲ 436| 1103%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

47.5%

+/- YoY: ▼ 26.9%

DT thuần

2024

2,934

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.0| 1.1%

LN sau thuế

2024

837

tỷ VNĐ

YoY: ▼462| -35.6%

ROE

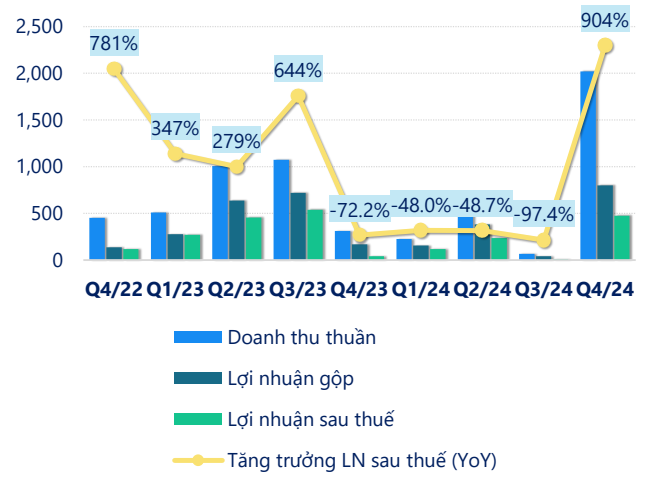
2024

13.2%

+/- YoY: ▼ 7.7%

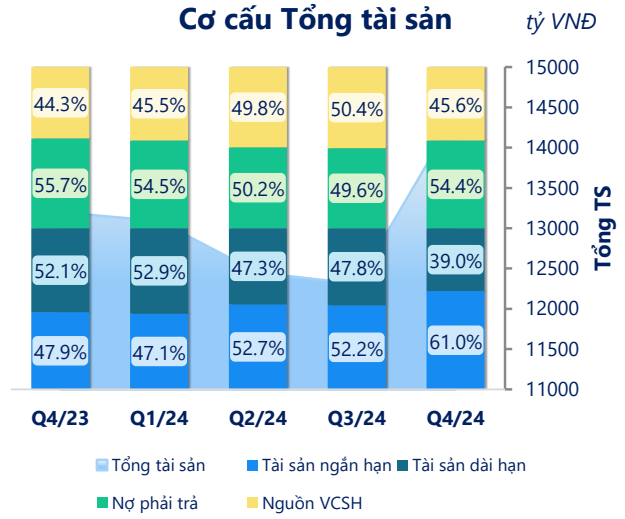
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



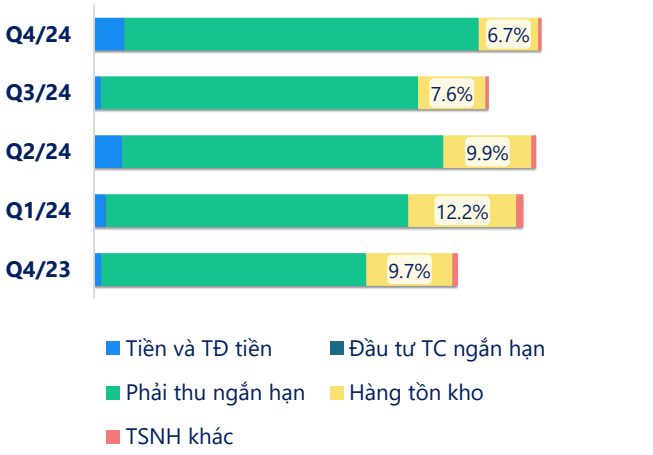
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



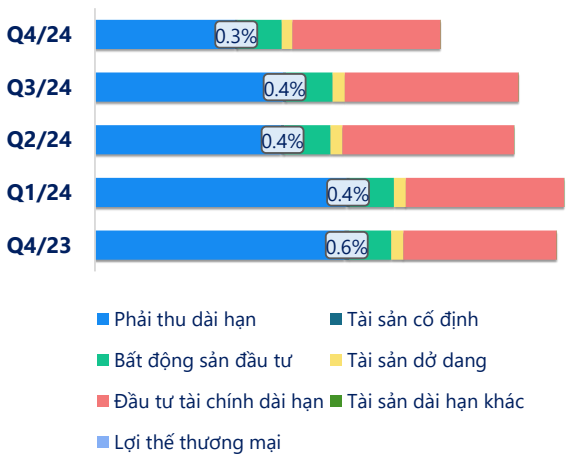
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



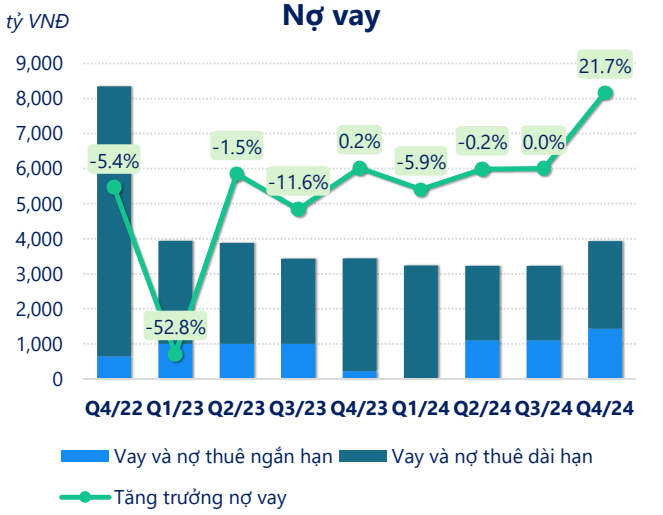
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



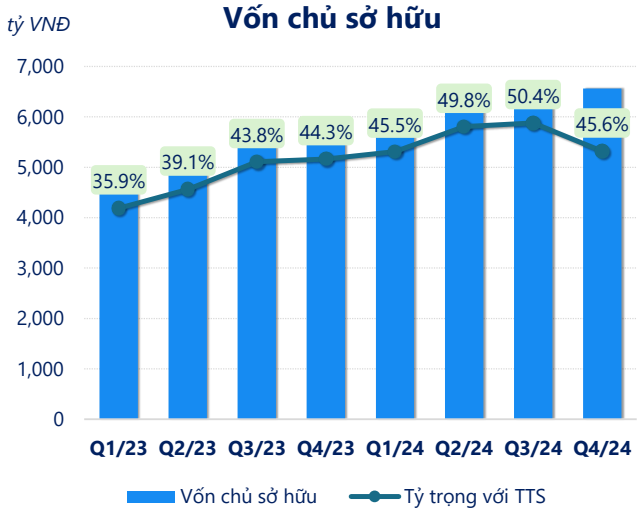
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



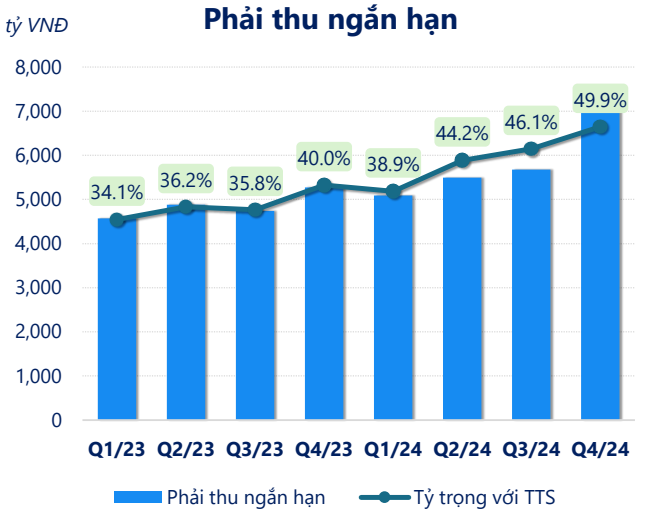
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



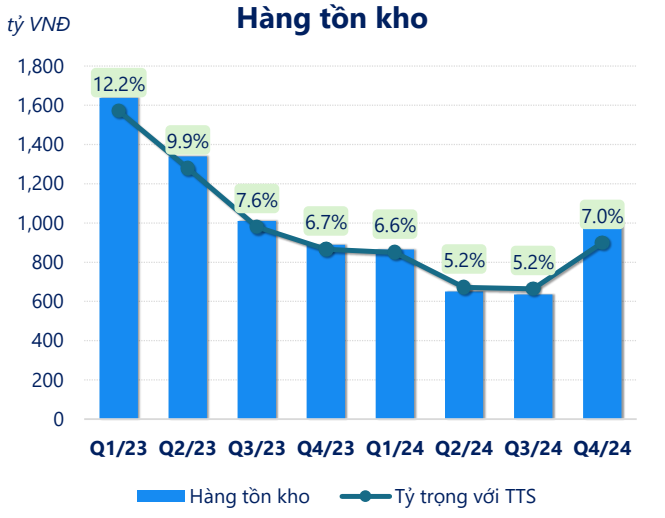
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



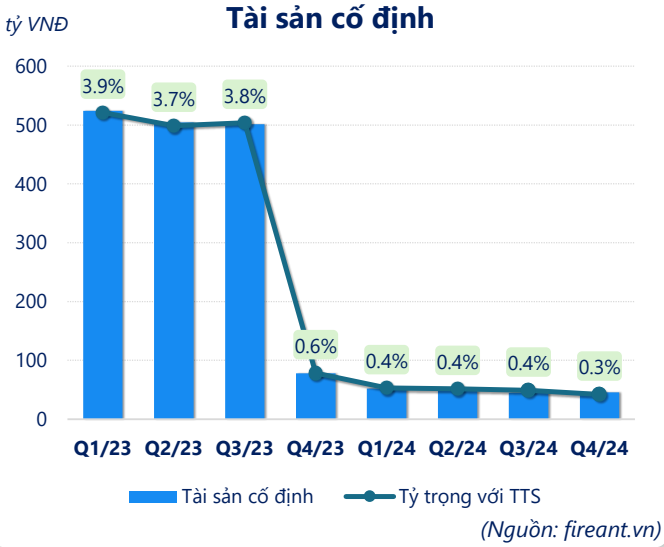
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



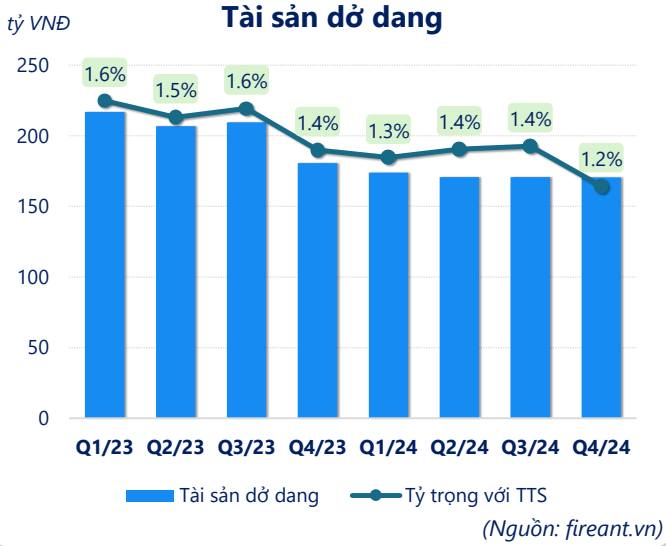
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



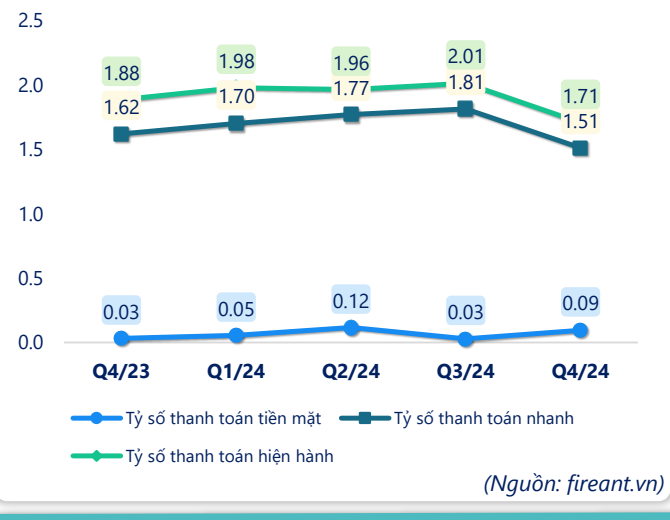
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



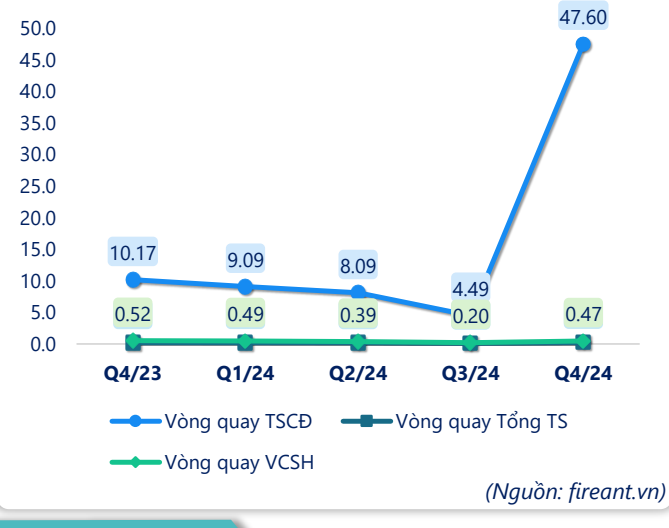
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**13,199**	**13,087**	**12,449**	**12,308**	**14,403**
Tài sản ngắn hạn	**6,323**	**6,160**	**6,561**	**6,425**	**8,784**
Tiền và tương đương tiền	107	169	389	91.2	488
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.93	7.18	7.22	7.37	7.38
Phải thu ngắn hạn	5,274	5,089	5,497	5,675	7,182
Hàng tồn kho	889	864	650	636	1,007
Tài sản ngắn hạn khác	46.1	30.5	17.2	15.4	100
Tài sản dài hạn	**6,877**	**6,927**	**5,888**	**5,882**	**5,619**
Phải thu dài hạn	3,711	3,711	2,611	2,611	2,274
Tài sản cố định	77.7	52.1	48.4	45.2	45.5
Bất động sản đầu tư	625	652	647	642	718
Tài sản dở dang	181	174	171	171	171
Đầu tư tài chính dài hạn	2,282	2,337	2,410	2,412	2,411
Tài sản dài hạn khác	0.12	0.09	0.11	0.21	0.55
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**7,357**	**7,128**	**6,255**	**6,106**	**7,841**
Nợ ngắn hạn	**3,354**	**3,114**	**3,341**	**3,193**	**5,148**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	223	5.60	1,100	1,100	1,438
Phải trả người bán ngắn hạn	326	338	126	70.3	485
Nợ dài hạn	4,003	4,014	2,914	2,913	2,694
Vay và nợ thuê dài hạn	3,211	3,226	2,126	2,126	2,489
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,842**	**5,959**	**6,194**	**6,202**	**6,562**
Vốn chủ sở hữu	**5,842**	**5,959**	**6,194**	**6,202**	**6,562**
Vốn điều lệ	3,750	3,750	3,750	3,750	3,750
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)